

Bản án số: **119/2024/HNGĐ-ST**  
Ngày: 12-6-2024.  
V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Đào Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thành Trại.

2. Ông Lê Văn Nghĩa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Chị **Dương Thị Bé T** – sinh năm 1998;

Địa chỉ: **Tổ B, Khu phố L, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.**

\* **Bị đơn:** Anh **Mai Văn H** – sinh năm 2000;

Địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

(Chị **T** có đơn xin vắng mặt;

Anh **H** vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hoà giải không được nguyên đơn chị **Dương Thị Bé T** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị **T** và anh **H** tự nguyện cưới nhau vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **C**, tỉnh **Tiền Giang**. Quá trình chung sống đến đầu năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **H** thường ghen tuông dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Chị **T** và anh **H** ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Nay chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **H**.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Mai Quốc B** – sinh ngày 02/12/2019. Hiện nay chị **T** đang nuôi dưỡng con chung, khi ly hôn chị **T** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

\* Bị đơn anh **H** không có văn bản trình bày ý kiến.

\* **Tại phiên tòa:** Nguyên đơn chị **T** có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh **H** vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **T** đối với anh **H**. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con của chị **T**. Về tài sản chung và nợ chung, theo đơn khởi kiện chị **T** trình bày giữa chị và anh **H** không có tài sản chung và không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **H** và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung giữa chị và anh **H** khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Nguyên đơn chị **T** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh **H** vắng mặt không tham gia hòa giải và không tham dự phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết

định hoãn phiên toà nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị **T**, anh **H**.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **T** đối với anh **H**, Hội đồng xét xử xét thấy chị **T** và anh **H** tự nguyện cưới nhau vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **C**, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào đầu năm 2023, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **H** thường ghen tuông dẫn đến vợ chồng anh chị thường xuyên cự cãi với nhau và vợ chồng anh chị đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, chị **T** và anh **H** đã có thời gian ly thân nhưng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn. Đồng thời anh **H** không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị **T** chứng tỏ anh **H** không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị **T**. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị **T** và anh **H** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **T** đối với anh **H**.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị **T** và anh **H** có 01 con chung tên **Mai Quốc B** – sinh ngày 02/12/2019. Khi ly hôn chị **T** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chị **T** và anh **H** ly thân thì con chung do chị **T** nuôi dưỡng, đồng thời anh **H** không có ý kiến đối với yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị **T**, do đó để đảm bảo điều kiện cho cháu **B** phát triển đầy đủ về mặt thể chất, tinh thần nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung của chị **T**.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện chị **T** trình bày giữa chị và anh **H** không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Dương Thị Bé T** đối với anh **Mai Văn H**.

Chị **Dương Thị Bé T** được ly hôn với anh **Mai Văn H**.

2/ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung của **T**. Giao con chung tên **Mai Quốc B** – sinh ngày 02/12/2019 cho chị **T** tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh **H** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Về án phí: Chị **T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0010942 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị **T** đã thi hành xong.

4/ Về quyền kháng cáo: Chị **T**, anh **H** được quyền kháng cáo bản án này trong hạn trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Đào Oanh**